

HƯỚNG DẪN CÁC QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI YSVN

1. Các quy định chung:

- Mỗi nhà đầu tư chỉ có thể mở 01 tài khoản tại YSVN và được phép mở tài khoản ở nhiều công ty chứng khoán khác nhau.
- NĐT phải đảm bảo có đủ chứng khoán khi đặt lệnh bán và đủ tiền khi đặt lệnh mua theo quy định.
- NĐT có thể cùng mua và bán 1 loại cổ phiếu trong phiên khớp lệnh liên tục; không được đặt các lệnh giao dịch vừa mua, vừa bán đồng thời cùng một loại chứng khoán trong cùng một đợt khớp lệnh định kỳ, trừ các lệnh đã được nhập vào hệ thống tại phiên giao dịch liên tục trước đó, chưa khớp nhưng vẫn còn hiệu lực.
- Tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 5% số cổ phiếu của tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch, mỗi khi có giao dịch làm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành so với lần báo cáo gần nhất phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch trong vòng 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.
- Cổ đông nội bộ (Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên BKS, cổ đông lớn, người công bố thông tin & người có liên quan của những người này) của tổ chức niêm yết có ý định giao dịch cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch phải:
 - + Báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch,
 - + Chỉ được bắt đầu tiến hành giao dịch sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ phía SGDCK.
 - + Báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch về kết quả thực hiện giao dịch trong vòng 03 ngày kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoặc kể từ khi hết thời hạn dự kiến giao dịch.

2. Thời gian giao dịch

HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định		
Phiên sáng:		
9h00 đến 9h15: Mở cửa phiên sáng, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATO, giới hạn (LO). <i>Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.</i>	Từ 9h00 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục; Lệnh sử dụng: LO, lệnh thị trường (MOK, MAK, MTL)	Từ 9h00 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục; Lệnh sử dụng: LO
HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
9h15 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục Phiên sáng. Lệnh sử dụng: LO, lệnh thị trường (MP)		
9h00-11h30: Giao dịch thỏa thuận		
11h30 đến 13h00: Nghỉ		
Phiên chiều:		
13h00 đến 14h30: Khớp lệnh liên tục Phiên chiều. Lệnh sử dụng: LO, MP	Từ 13h00 đến 14h30: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng: LO, MOK, MAK, MTL.	Từ 13h00 đến 15:00: Khớp lệnh liên tục; Lệnh sử dụng: LO
14h30 đến 14h45: Khớp lệnh định kỳ đóng cửa. Lệnh sử dụng: ATC, LO. <i>Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.</i>	Từ 14h30 đến 14h45: Khớp lệnh định kỳ đóng cửa. Lệnh sử dụng: ATC, LO. <i>Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.</i>	

	Từ 14h45 đến 15h: Phiên Khớp lệnh sau giờ. Lệnh sử dụng: PLO <i>Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.</i>	
13h00 đến 15h00: Giao dịch thỏa thuận		
Đối với trái phiếu: Chỉ có phương thức giao dịch thỏa thuận từ 9h00 đến 11h30 và từ 13h00 đến 15h00		
Đóng cửa thị trường: 15h00		



Yuanta
Securities Vietnam



3. Phương thức khớp lệnh

HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
Giao dịch khớp lệnh:		
- Phương thức khớp lệnh định kỳ được sử dụng để xác định giá mở cửa và giá đóng cửa của chứng khoán trong phiên giao dịch.		
Là phương thức so khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên mở cửa (9h15) và đóng cửa (14h45)	So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên đóng cửa (14h45)	Không áp dụng
- Phương thức khớp lệnh liên tục: là phương thức so khớp các lệnh mua và bán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch trên nguyên tắc xác định giá thực hiện là mức giá của các lệnh giới hạn đối ứng nằm chờ trên sổ lệnh		
Áp dụng cho giao dịch CP/CCQ đóng/CCQ ETF	Áp dụng cho giao dịch CP/CCQ ETF	
Giao dịch thỏa thuận: là phương thức các bên mua bán thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch. Sau đó, giao dịch sẽ được công ty chứng khoán thành viên bên bán và mua nhập vào hệ thống giao dịch để ghi nhận kết quả (Áp dụng cho cả CP/ TP/CCQ)		
Nguyên tắc so khớp lệnh		
(1) <i>Ưu tiên về giá:</i> Các lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước; các lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.		
(2) <i>Ưu tiên về thời gian:</i> Đối với các lệnh mua (hoặc lệnh bán) có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.		
- Nếu các lệnh đối ứng cùng thỏa mãn nhau về giá thì giá khớp sẽ là giá của lệnh được nhập vào hệ thống trước.		

4. Loại lệnh

HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
<p>ATO (ATC): Là lệnh đặt mua /bán chứng khoán tại mức giá mở cửa (đóng cửa).</p> <p>- Là lệnh không ghi giá cụ thể, chỉ ghi ATO/ATC</p> <p>- Lệnh được ưu tiên trước lệnh LO trong khi khớp lệnh và tự động hủy khi kết thúc phiên định kỳ.</p>	Chỉ áp dụng lệnh ATC	Không áp dụng
<p>Lệnh thị trường: là lệnh mua tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Lệnh thị trường được sử dụng trong đợt giao dịch khớp lệnh liên tục. Lệnh thị trường sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng.</p>		Không áp dụng
Loại lệnh thị trường áp dụng: MP	Loại lệnh thị trường áp dụng: MAK, MOK, MTL	
- MP: Phần còn lại của lệnh chưa được khớp (nếu có) sẽ chuyển thành lệnh giới hạn tại mức giá mua cao hơn (hoặc giá bán thấp hơn) một bước giá so với mức giá khớp cuối cùng.	<p>- MOK (Match or Kill): Lệnh thị trường với thuộc tính FOK (Fill or Kill). Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy toàn bộ lệnh.</p> <p>- MAK (Match and Kill) : Lệnh thị trường với thuộc tính FAK (Fill and Kill). Lệnh</p>	

	được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy phần còn lại của lệnh.	
	- MTL (Market to limit): Lệnh thị trường - Giới hạn: Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành lệnh giới hạn.	
LO (Lệnh giới hạn)		
- Là lệnh mua/bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn.		
- Là lệnh có ghi giá cụ thể.		
- Hiệu lực của lệnh: đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc đến khi được hủy bỏ.		
	PLO (Lệnh giao dịch khớp lệnh sau giờ): - Lệnh PLO là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá đóng cửa sau khi kết thúc phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa.	

5. Hủy/sửa lệnh giao dịch

HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
<p>Trong phiên khớp lệnh định kỳ (ATO/ATC): không được phép sửa, hủy các lệnh LO, ATO, ATC (gồm cả các lệnh LO được chuyển từ phiên khớp lệnh liên tục sang)</p>	<p>Trong phiên khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (ATC): không được phép sửa, hủy các lệnh LO, ATC (bao gồm cả các lệnh LO được chuyển từ phiên khớp lệnh liên tục sang)</p>	
<p>Phiên liên tục: Không được phép sửa lệnh. Việc hủy lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh gốc chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh gốc chưa được thực hiện.</p>	<p>Việc sửa giá/khối lượng, hủy lệnh giao dịch chỉ có hiệu lực đối với lệnh gốc chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.</p> <p>Phiên khớp lệnh liên tục: lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng; - Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng và/ hoặc sửa giá. 	<p>Việc sửa giá/ khối lượng và hủy lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh gốc chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh gốc chưa được thực hiện.</p> <p>Trường hợp sửa khối lượng tăng: Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch.</p> <p>Trường hợp sửa khối lượng giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ tự ưu tiên của lệnh không thay đổi.

6. Giá tham chiếu

- **Đối với HSX và HNX:** Giá tham chiếu được tính bằng giá khớp lệnh của phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa của ngày giao dịch liền trước.
- **Đối với UPCOM:** Giá tham chiếu là bình quân gia quyền các mức giá thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch liền trước.

7. Biên độ dao động giá

HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
- CP/CCQ đóng/CCQ ETF: $\pm 7\%$	- CP/CCQ ETF: $\pm 10\%$	- Cổ phiếu: $\pm 15\%$
Giá trần = Giá tham chiếu + 7%	Giá trần = Giá tham chiếu + 10%	Giá trần = Giá tham chiếu + 15%
Giá sàn = Giá tham chiếu - 7%	Giá sàn = Giá tham chiếu - 10%	Giá sàn = Giá tham chiếu - 15%
- Trái phiếu: không quy định		- Trái phiếu: Không quy định
Trường hợp giá trần và giá sàn của CP, CCQ sau khi điều chỉnh theo biên độ dao động vẫn bằng với giá tham chiếu, giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá ; Giá sàn = Giá tham chiếu - một đơn vị yết giá		
- CP/CCQ đóng/CCQ ETF ngày giao dịch đầu tiên		
- CP ngày giao dịch đầu tiên/Ngưng 25 phiên giao dịch liên tiếp		
CP- CCQ phải có mức giá khởi điểm do tổ chức tư vấn xác định và được sở GD chấp thuận làm giá tham chiếu		
Biên độ dao động giá: $\pm 20\%$	Biên độ dao động giá: $\pm 30\%$	Biên độ dao động giá: $\pm 40\%$

Cách thức đặt lệnh CP/CCQ đóng/CCQ ETF ngày giao dịch đầu tiên giống như CP/CCQ đóng/CCQ ETF đang niêm yết. Tuy nhiên không cho phép thực hiện lệnh giao dịch thỏa thuận.	Đối với cổ phiếu mới được niêm yết và cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch trên 25 phiên, trong ngày giao dịch đầu tiên hoặc ngày giao dịch trở lại; không được thực hiện giao dịch thỏa thuận cho đến khi có giá cơ sở được xác lập	Không quy định
---	---	----------------

8. Đơn vị và Khối lượng giao dịch

HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
- Cổ phiếu/CCQ đóng/CCQ ETF	- Cổ phiếu/CCQ ETF	- Cổ phiếu/Trái phiếu
<i>Áp dụng cho GD khớp lệnh</i>		
1 lô = 10 CP/CCQ đóng/CCQ ETF	1 lô = 100 CP/ CCQ ETF	1 lô = 100 CP/ 100 TP
Lô chẵn: bội số của 10, từ 10 – 500.000 CP/CCQ đóng/CCQ ETF	Lô chẵn: bội số của 100, từ 100 CP/CCQ ETF trở lên	Lô chẵn: bội số của 100, từ 100CP/TP trở lên
Lô lẻ 1 - 99 CP/CCQ ETF	Lô lẻ: 1 - 99 CP/ TP	
<i>Áp dụng cho GD thỏa thuận</i>		
Số lượng ≥ 20.000	Số lượng ≥ 5.000 CP	Không quy định
Số lượng từ 1 - 99 CP		
- Trái phiếu	Không quy định	
Giao dịch thỏa thuận không quy định SL		

9. Bước giá và Đơn vị yết giá

HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
- CP/CCQ đóng	- Cổ phiếu	- Cổ phiếu
Giao dịch khớp lệnh:	Giao dịch khớp lệnh: 100 đồng	Giao dịch khớp lệnh: 100 đồng
Thị giá < 10.000 đồng: 10 đồng.	Giao dịch thỏa thuận: 1 đồng	Giao dịch thỏa thuận: 1 đồng
Thị giá từ 10.000 – 49.950 đồng: 50 đồng.	- CCQ ETF: 1 đồng	
Thị giá ≥ 50.000 đồng: 100 đồng.		
Giao dịch thỏa thuận: 1 đồng		
- CCQ ETF:		
Giao dịch khớp lệnh: 10 đồng		
Giao dịch thỏa thuận: 1 đồng		
- Trái phiếu: Không quy định.		

10. Phương thức nhận lệnh

- Giao dịch trực tiếp tại Hội Sở, Chi Nhánh của YSVN.
- Giao dịch qua điện thoại Contact Center 028 3622 6868
- Giao dịch trực tuyến:
 - o YSwinner Web Trading (<https://yswinner.yuanta.com.vn>)
 - o YSwinner Mobile Trading

11. Giao dịch lô lẻ

HSX (SGDCK HCM)	HNX (SGDCK HN)	UPCOM (SGDCK HN)
Không được đặt lệnh giao dịch lô lẻ trên sàn	- Thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục và phương thức thỏa thuận	
Được phép đăng ký bán cổ phiếu lô lẻ qua hệ thống YSwinner	- Chỉ được phép nhập lệnh LO (hủy/ sửa lệnh tương tự đối với giao dịch lô chẵn)	
	- Đơn vị giao dịch là 01 CP/TP (1-99)	
	- Giá giao dịch: tương tự giao dịch lô chẵn; các lệnh giao dịch lô lẻ không được sử dụng để xác định giá tham chiếu, giá tính chỉ số.	
	- Không được phép thực hiện trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới niêm yết /ngày giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch 25 ngày cho đến khi có giá đóng cửa được xác lập.	

12. Thời hạn thanh toán

- Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ: Thanh toán T+2
- Trái phiếu: Thanh toán T+1